

Số 65/2020/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 31 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 127/2020/VDS-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lò Văn L, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Nà H, xã Nà B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Bản Nà S, xã Hát L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Vĩ Thị M, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản Nà H, xã Nà B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lò Văn L và chị Vĩ Thị M kết hôn với nhau từ năm 2009 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nà B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 05/01/2010. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng. Anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành nên đã sống ly

thân từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể thực hiện được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh L và chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh L và chị M.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh L và chị M có 02 con chung là cháu Lò Anh Th, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Lò Anh K, sinh ngày 06/11/2013. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị Vì Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Anh Th và cháu Lò Anh K đến khi 02 cháu đủ tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi, cháu Lò Anh Th thể hiện nguyện vọng được tiếp tục ở với chị M nếu bố mẹ ly hôn. Nhận thấy, thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh L và chị M xác định không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh L nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 23 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn L và chị Vì Thị M thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Vì Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Anh Th, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Lò Anh K, sinh ngày 06/11/2013 đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lò Văn L nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0002216 ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Nà Bó, huyện Mai Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phụng

